



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU
CAMAU TRADING JOINT STOCK COMPANY- CAMEX

Trụ sở chính : 70-72 Đề Thám - P2 - TP. Cà Mau
Điện thoại : (0780) 3839220 - 3822678 - 3822847
Fax : (0780) 3834358
E-mail : tncm@tncm.com.vn
Website : www.tncm.com.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2008

I) LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

1)- Thành lập:

Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau (CAMEX) được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 637/QĐ-UBND ngày 14/9/2007 của UBND tỉnh Cà Mau. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6103000105 đăng ký lần đầu ngày 01/12/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp; đăng ký lần thứ 2 ngày 14/3/2008 bổ sung cửa hàng, điểm kinh doanh; đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 23/9/2008 bổ sung ngành nghề kinh doanh gồm: kinh doanh trang thiết bị điện tử tin học, máy văn phòng, đầu tư xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư và cơ sở hạ tầng khác, thi công các công trình: xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và san lấp mặt bằng; đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 6/10/2008 bổ sung ngành nghề kinh doanh: sang, chiết, nạp gas. Tổng vốn điều lệ đến 31/12/2008 là 70.000.000.000 đồng, trong đó SCIC nắm giữ 40% vốn điều lệ.

2)- Cổ phiếu:

- Mã cổ phiếu : CMT
- Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu : 7.000.000 cổ phiếu

3)- Quá trình phát triển:

3.1. Ngành nghề kinh doanh:

- Xăng, dầu (dầu, dầu nhờn), khí hóa lỏng.
- Hàng công nghệ thực phẩm, rượu, bia, thuốc lá, nước giải khát.
- Hàng nông sản, thủy hải sản chế biến, thực phẩm các loại.
- Hóa mỹ phẩm, chất tẩy rửa các loại.
- Vật liệu xây dựng, kim khí điện máy, hàng gia dụng, máy nông ngư cơ.
- Sách giáo khoa, dụng cụ học sinh, dụng cụ văn phòng.
- Sang, chiết, nạp gas.

3.2. Quá trình hoạt động:

a/- Giai đoạn trước cổ phần:

- Công ty được hình thành từ những năm 1980 qua nhiều lần tách ghép, ngày 10/10/1992 UBND tỉnh Minh Hải nay là tỉnh Cà Mau ra Quyết định số 142/QĐ-UBND thành lập doanh nghiệp Nhà nước Công ty Thương nghiệp Cà Mau. Từ năm 1992 đến năm 2007 Công ty đã có bước phát triển quan trọng: Doanh thu hàng năm đều tăng; chỉ tiêu kinh doanh, nộp ngân sách do UBND tỉnh giao hàng năm Công ty đều đạt và vượt so với kế hoạch đề ra. Hệ thống mạng lưới kinh doanh, mạng lưới đại lý bán lẻ được hình thành ở tất cả các huyện, thành phố trong tỉnh Cà Mau và các tỉnh Bạc Liêu, Sóc Trăng, cơ sở vật chất, phương tiện vận chuyển phục vụ kinh doanh tương đối hoàn thiện đáp ứng được yêu cầu hoạt động kinh doanh.

- Năm 2000 Công ty được phong tặng danh hiệu Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới.

b/- Giai đoạn sau cổ phần hóa từ cuối năm 2007 đến nay:

Giai đoạn này đánh dấu bước phát triển mạnh mẽ của Công ty trên các lĩnh vực. Công ty đã hoàn thành các thủ tục cổ phần hóa Công ty Thương nghiệp Cà Mau và chính thức đi vào hoạt động theo mô hình công ty cổ phần với tên gọi “**Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau**” vào ngày **01/12/2007**.

4)- Các sự kiện nổi bật trong năm 2008:

1- Thành lập Công ty TNHH một thành viên Bách Việt ngày 01/01/2008.

2- Lễ đón nhận Huân chương độc lập hạng ba ngày 5/1/2008. Quyết định số 1378/QĐ-CTN ngày 16/11/2007 của Chủ tịch nước.

3- Tổ chức Hội nghị người lao động toàn Công ty ngày 5/1/2008.

4- Được UBND tỉnh Cà Mau tặng Cờ thi đua xuất sắc năm 2007. Quyết định số 743/QĐ-UBND ngày 29/4/2008 của UBND tỉnh Cà Mau.

5- Được Thủ tướng Chính phủ tặng Cờ thi đua xuất sắc năm 2007. Quyết định số 785/QĐ-TTg ngày 23/6/2008 của Thủ tướng Chính phủ.

6- Năm 2008 Công ty đã được UBND tỉnh Cà Mau tặng 2 Bằng khen về công tác đóng góp ủng hộ quỹ vì người nghèo, công tác vận động lập quỹ đền ơn đáp nghĩa và Cờ thi đua xuất sắc của UBND tỉnh đồng thời Công ty cũng được UBND tỉnh đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng Cờ thi đua của Chính phủ cho Công ty về thành tích dẫn đầu phong trào thi đua năm 2008.

7- Được xếp thứ 158 vào top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2008.

8- Đạt giải thưởng Sao vàng đất Việt năm 2008 do Hội doanh nghiệp trẻ Việt Nam bình chọn.

9- Là một trong top 9 doanh nghiệp tiêu biểu của tỉnh Cà Mau.

10- Hoàn thành việc xây dựng và đưa vào sử dụng kho chứa hàng hóa Trung tâm phân phối hàng tiêu dùng Cà Mau-Bạc Liêu (giai đoạn I của Trung tâm Thương mại Licogi tại phường 1, TP. Cà Mau).

11- Hoàn thành việc xây dựng và đưa vào hoạt động Trạm chiết nạp gas Định Bình công suất 600 tấn/tháng từ tháng 12/2008.

12- Công ty hoàn tất việc đăng ký và trở thành Công ty đại chúng theo Công văn số 1975/UBCK-QLPH ngày 30/9/2008 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

II) BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

1)- Đánh giá chung:

- Năm 2008 là năm đầu tiên thành công sau cổ phần hóa, Công ty đã tạo ra được những tiền đề cơ bản cho sự phát triển Công ty trong những năm tới. Tiếp tục phát triển mạng lưới kinh doanh, chú trọng hệ thống bán lẻ tại các trung tâm, thị trấn, thị tứ.

- Năm 2008 ghi nhận sự hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm.

2)- Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2008:

- Tổng doanh thu: Thực hiện năm 2008: 2.973.005.678.714 đồng đạt 124% kế hoạch năm 2008.

- Tổng lợi nhuận trước thuế: Thực hiện năm 2008: 38.707.833.473 đồng đạt 258% kế hoạch năm 2008.

3)- Những khoản đầu tư lớn năm 2008: 12,3 tỷ đồng (nguồn khấu hao và quỹ đầu tư)

- Đầu tư nắm giữ 100% vốn điều lệ 3 tỷ đồng Công ty TNHH một thành viên Bách Việt.

- Đầu tư xây dựng Trạm chiết nạp gas Định Bình với công suất 600 tấn/tháng. Tổng trị giá 4 tỷ đồng.

- Đầu tư xây dựng Trung tâm phân phối hàng tiêu dùng Cà Mau-Bạc Liêu với diện tích sử dụng 1.296 m². Tổng trị giá 3,6 tỷ đồng.

- Đầu tư mua quyền sử dụng đất để xây dựng văn phòng, kho Chi nhánh Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau tại Kiên Giang với diện tích 781 m². Tổng trị giá 1,7 tỷ đồng.

4)- Kế hoạch năm 2009:

4.1. Các chỉ tiêu chủ yếu trong năm 2009:

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2009
01	Tổng doanh thu	2.500.000
02	Tổng lợi nhuận trước thuế	30.000
03	Thuế thu nhập DN	7.500
04	Lợi nhuận sau thuế	22.500
05	Tỷ lệ trả cổ tức	16%

4.2. Kế hoạch đầu tư: 14 tỷ đồng

- Đầu tư mua quyền sử dụng đất 2.592 m² xây dựng Cửa hàng Xăng dầu Hưng Mỹ - Cái Nước - Cà Mau. Tổng vốn đầu tư 3,5 tỷ đồng bằng nguồn vốn khấu hao và quỹ phát triển.

- Đầu tư mua quyền sử dụng đất tại huyện Ngã Năm tỉnh Sóc Trăng 1.200 m² trị giá 500 triệu đồng, xây dựng văn phòng và kho tổng trị giá xây dựng 600 triệu đồng.

- Đầu tư xây dựng văn phòng, kho Chi nhánh Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau tại Kiên Giang với diện tích 781 m². Tổng vốn đầu tư 2,5 tỷ đồng bằng nguồn vốn khấu hao và quỹ phát triển.

- Mỗi năm kế hoạch sẽ xây dựng từ 02 cửa hàng xăng dầu hoặc bách hóa trở lên để hệ thống cửa hàng ngày càng đều khắp các huyện, thành phố trong tỉnh Cà Mau và lân cận.

- Đầu tư xây dựng giai đoạn I Cửa hàng Xăng dầu Sông Đốc và Tổng kho chứa 500 m³ dầu DO phục vụ đánh bắt thủy hải sản. Tổng vốn đầu tư 4 tỷ đồng bằng nguồn vốn khấu hao và quỹ phát triển.

III) BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

1)- Báo cáo tình hình tài chính năm 2008:

1.1. Các hệ số tài chính:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2008 (Số cuối kỳ)
1	Cơ cấu tài sản		
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	22.46
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	77.54
2	Cơ cấu nguồn vốn		
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	66.05
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	33.95
3	Khả năng thanh toán		
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0.26
	- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1.51
4	Tỷ suất lợi nhuận		
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	10.99
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng doanh thu	%	0.93
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	32.39

1.2. Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2008:

DVT: Đồng

Tài sản		Nguồn vốn	
1. Tài sản ngắn hạn	196.425.545.884	1. Nợ phải trả	167.330.983.331
2. Tài sản dài hạn	56.907.411.452	2. Vốn chủ sở hữu	86.001.974.005
Tổng cộng:	253.332.957.336	Tổng cộng:	253.332.957.336

1.3. Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp:

- Năm 2007 : 70.000.000.000 đồng
- Năm 2008 : 70.000.000.000 đồng

1.4. Dự kiến chia cổ tức năm 2008: 22% (2.200 đồng/cổ phần)

1.5. Tổng số cổ phần theo từng loại tại thời điểm 31/12/2008:

- Số lượng cổ phần đã phát hành: 7.000.000 cổ phiếu.
Trong đó: Cổ phiếu phổ thông: 7.000.000 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 7.000.000 cổ phiếu.

2)- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh:

Năm 2008 trong bối cảnh kinh tế thế giới bị suy thoái, trong nước lạm phát tăng cao, tình hình kinh tế diễn biến phức tạp, giá cả luôn biến động nhất là xăng dầu, khí hóa lỏng, vật liệu xây dựng và cả hàng tiêu dùng đã ảnh hưởng rất nhiều đến hoạt động sản xuất của Công ty. Nhưng với sự cố gắng nỗ lực vượt khó của toàn thể người lao động trong Công ty nên kết quả kinh doanh năm qua hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu.

2.1. Hoạt động kinh doanh xăng dầu:

Hệ thống cửa hàng bán lẻ và đại lý bán lẻ xăng dầu thuộc Công ty ngày càng được củng cố và phát triển, thiết lập mối quan hệ chặt chẽ để cùng nhau phát triển. Năm qua Công ty thực hiện đạt sản lượng: 135.500 m³.

- Doanh thu thực hiện: 1.802.016.551.558 đồng
- Lợi nhuận thực hiện: 22.707.833.473 đồng

2.2. Hoạt động kinh doanh bách hóa:

Năm 2008 Công ty mở rộng mạng lưới kinh doanh được 07 cửa hàng, Chi nhánh đã góp phần tăng doanh thu, tăng lợi nhuận.

- Doanh thu thực hiện: 932.817.209.246 đồng
- Lợi nhuận thực hiện: 8.862.976.175 đồng

2.3. Hoạt động kinh doanh của ngành hàng khác:

Trong năm Công ty đã đưa vào sử dụng Trạm chiết nạp gas Định Bình, đa dạng phương thức bán hàng, chú trọng mọi đối tượng khách hàng góp phần làm thay đổi đáng kể doanh thu, lợi nhuận trong lĩnh vực này.

- Doanh thu thực hiện: 238.171.917.910 đồng

- Lợi nhuận thực hiện: 7.215.563.523 đồng

2.4. Hoạt động tài chính:

3)- Những tiến bộ Công ty đã đạt được về công tác quản lý:

- Công ty đã xây dựng và ban hành các quy chế: Quy chế phân phối tiền lương, quy chế quản lý tài chính.

- Công ty đã xây dựng Nội quy lao động, định mức tiêu hao nhiên liệu đối với phương tiện vận chuyển.

- Tiến hành sắp xếp lại lực lượng lao động trong các đơn vị trên nguyên tắc gọn nhẹ và hiệu quả.

- Tổ chức đào tạo, huấn luyện chuyên môn, nghiệp vụ cho người lao động.

IV) BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT: (Đã được kiểm toán bởi Cty TNHH Kiểm toán & Tư vấn Tài chính kế toán (AFC) – Chi nhánh Cần Thơ)

1)- Bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2008:

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ Tiêu	Mã số	Ghi chú	31/12/2008	01/12/2007
TÀI SẢN				
A.TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		196,425,545,884	-
I.Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	41,682,517,909	-
1.Tiền	111		41,682,517,909	-
2.Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	2,000,000,000	-
1.Đầu tư ngắn hạn	121		2,000,000,000	-
2.Các khoản phải thu ngắn hạn	130		43,456,750,793	-
3.Phải thu khách hàng	131	5.3	45,361,769,148	-
4.Trả trước cho người bán	132	5.4	1,324,546,284	-
5.Các khoản phải thu khác	135	5.5	1,346,373,066	-
6.Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	5.6	(4,575,937,705)	-
IV.Hàng tồn kho	140	5.7	99,929,434,018	-
1.Hàng tồn kho	141		110,469,126,709	-
2.Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(10,539,692,691)	-
V.Tài sản ngắn hạn khác	150	5.8	9,356,843,164	-
1.Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-

2.Thuế GTGT được khấu trừ	152		2,603,352,163	-
3.Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		4,732,037	-
4.Tài sản ngắn hạn khác	158		6,748,758,964	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		56,907,411,452	-
I.Tài sản cố định	220		53,715,184,937	-
1.Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	28,161,162,839	-
- Nguyên giá	222		50,830,595,396	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22,669,432,557)	-
2.Tài sản cố định vô hình	227	5.10	25,548,932,185	-
- Nguyên giá	228		25,793,139,715	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		244,207,530)	-
3.Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		5,089,913	-
II.Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.11	1,709,088,000	-
1.Đầu tư dài hạn khác	258		2,188,086,200	-
2.Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(478,998,200)	-
III.Tài sản dài hạn khác	260	5.12	1,483,138,515	-
1.Chi phí trả trước dài hạn	261		1,474,009,574	-
2.Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		9,128,941	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		253,332,957,336	-
NGUỒN VỐN				
A.NỢ PHẢI TRẢ	300		167,330,983,331	-
I.Nợ ngắn hạn	310		167,202,127,443	-
1.Vay và nợ ngắn hạn	311	5.13	30,028,989,268	-
2.Phải trả người bán	312	5.14	106,484,170,081	-
3.Người mua trả tiền trước	313	5.15	889,069,836	-
4.Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.16	6,049,506,490	-
5.Phải trả người lao động	315		4,531,047,476	-
6.Chi phí phải trả	316		38,987,000	-
7.Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318		-	-
8.Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.17	19,180,357,292	-
9.Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II.Nợ dài hạn	330		128,855,888	-
1.Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.Phải trả dài hạn khác	333		-	-

4.Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5.Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		128,855,888	-
7.Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		86,001,974,005	-
I.Vốn chủ sở hữu	410	5.18	82,534,451,089	-
1.Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		70,000,000,000	-
2.Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5.Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.Quỹ đầu tư phát triển	417		2,722,977,805	-
8.Quỹ dự phòng tài chính	418		1,361,488,902	-
9.Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		954,817,939	-
10.Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		7,495,166,443	-
11.Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II.Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		3,467,522,916	-
1.Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		3,467,522,916	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		253,332,957,336	-

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Chỉ tiêu	ĐVT	Ghi chú	31/12/2008	01/12/2007
Tài sản thuê ngoài				
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-	
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			-	
Nợ khó đòi đã xử lý				-
Ngoại tệ các loại(USD)	USD		537.76	
Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-	

2)- Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2008:

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Ghi chú	Năm nay	Năm trước
1.Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	2,973,058,805,244	-

Các khoản giảm trừ doanh thu	02		53,126,530	-
2.Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10		2,973,005,678,714	-
3.Giá vốn hàng bán	11	6.2	2,858,443,975,354	-
4.Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		114,561,703,360	-
5.Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	7,430,376,807	-
6.Chi phí tài chính	22	6.4	4,027,682,099	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2,427,774,857	
7.Chi phí bán hàng	24	6.5	67,433,061,440	-
8.Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	20,968,873,238	-
9.Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)]	30		29,562,463,390	-
10.Thu nhập khác	31	6.7	9,666,148,184	-
11.Chi phí khác	32	6.8	520,778,101	-
12.Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		9,145,370,083	-
13.Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45			
14.Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế [50 = 30 + 40]	50		38,707,833,473	-
15.Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	10,861,309,227	-
16.Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(9,128,941)	-
17.Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60	6.9	27,855,653,187	-
18.Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số				
19.Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Cty mẹ			27,855,653,187	
20.Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	3,979	-

3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Ghi chú	Năm nay	Năm trước
I.Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh				
1.Lợi nhuận trước thuế	01		38,707,833,473	
2.Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		4,210,280,164	

- Các khoản dự phòng	03		15,594,628,596	
- Lãi , lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	
- Lãi , lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(132,487,563)	
- Chi phí lãi vay	06		2,427,774,857	
3.Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		60,808,029,527	
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(38,489,711,785)	
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(110,469,126,709)	
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		159,935,817,846	
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1,474,009,574)	
- Tiền lãi vay đã trả	13		(2,427,774,857)	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(5,951,561,784)	
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		987,586,900	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(3,530,930,223)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		59,388,319,341	
II.Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5,732,835,978)	
2.Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & các tài sản dài hạn khác	22		-	
3.Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	
4.Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	
5.Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2,000,000,000)	
6.Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	
7.Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		132,487,563	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(7,600,348,415)	
III. Lưu chuyển từ hoạt động tài chính				
1.Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	

2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1,036,073,999,015	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1,038,782,731,973)	
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7,396,720,059)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(10,105,453,017)	
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		41,682,517,909	
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		-	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		41,682,517,909	

4)- Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2008:

1. Đặc điểm hoạt động:

- 1.1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần
- 1.2. Lĩnh vực kinh doanh : Thương mại
- 1.3. Ngành nghề kinh doanh : Xăng dầu, Công nghệ thực phẩm, vật liệu xây dựng, Hàng điện máy, gia dụng...
- 1.4. Tổng số công ty con : 01
- Trong đó:
- Số lượng các công ty con được hợp nhất: 01.
- 1.5. Thông tin về công ty con được hợp nhất:

Tên Công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Công ty TNHH Một Thành Viên Bách Việt	số 102, Phan Đình Phùng, P2, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau.	3.000.000.000	100%	100%

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

2.1. Năm tài chính:

Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ 01 tháng 12 năm 2007 đến 31 tháng 12 năm 2008. Năm tài chính tiếp theo sẽ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng:

3.1. Chế độ kế toán áp dụng:

Nhóm Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3.3. Hình thức kế toán áp dụng:

Nhóm Công ty sử dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

4. Các chính sách kế toán áp dụng:

4.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

4.2. Cơ sở hợp nhất:

Các công ty con:

Các công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Công ty trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng nhóm Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

4.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo

4.4. Các giao dịch ngoại tệ:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc là ngoại tệ vào ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính.

4.5. Khoản phải thu khách hàng:

Khoản phải thu khách hàng được trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị của hóa đơn gốc trừ dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán, phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ lập dự phòng là 100%

4.6. Hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá hàng tồn kho và đảm bảo giá trị được ghi nhận là giá thấp hơn khi so giữa giá gốc và giá trị thị trường có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho số lỗ ước tính phát sinh khi giá gốc vượt quá giá trị có thể thực hiện được của hàng tồn kho vào ngày kết thúc năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào khoản mục giá vốn hàng bán trong năm tài chính.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Bình quân gia quyền.

4.7. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi TSCĐ được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình và khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với qui định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng ước tính của các tài sản cho mục đích tính toán này như sau:

Loại tài sản cố định	Thời gian (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50
Máy móc thiết bị	3 – 10
Phương tiện vận tải	6 – 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 10
Tài sản cố định vô hình	3 – 17

4.8. Các khoản đầu tư tài chính:

Đầu tư ngắn hạn:

Đầu tư ngắn hạn là các khoản đầu tư có thời hạn đáo hạn không quá 12 tháng và các khoản đầu tư được giữ lại với ý định để bán trong vòng 12 tháng tại ngày của bảng cân đối kế toán. Đầu tư ngắn hạn được hạch toán theo giá gốc.

Đầu tư vào các công ty con:

Các khoản đầu tư vào các công ty con được trình bày theo giá gốc trong báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ.

Đầu tư tài chính dài hạn:

Tiền gửi ngân hàng dài hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng tính từ ngày của bảng cân đối kế toán và được hạch toán theo giá gốc.

Đầu tư trái phiếu được trình bày theo giá gốc, với ý định không bán lại trong vòng 12 tháng tính từ ngày của bảng cân đối kế toán. Đầu tư trái phiếu được hạch toán theo giá gốc.

Đầu tư dài hạn là các khoản đầu tư vào các tổ chức kinh tế niêm yết hoặc chưa niêm yết, với ý định không bán lại trong vòng 12 tháng tính từ ngày của bảng cân đối kế toán.

4.9. Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

4.10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí trả trước:

Chi phí trả trước dùng để phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: phương pháp đường thẳng.

4.11. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác:

Nợ phải trả được ghi nhận khi có đủ điều kiện chắc chắn là Công ty sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại và khoản nợ phải trả đó phải xác định một cách đáng tin cậy.

4.12. Chi phí phải trả:

Chi phí phải trả được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

4.13. Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn:

Trong năm 2008, Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn theo tỷ lệ sau:

Bảo hiểm xã hội trích trên tiền lương đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế vào chi phí là 15% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 5%.

Bảo hiểm y tế được trích trên tiền lương đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế vào chi phí là 2% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 1%.

Kinh phí công đoàn được trích trên tổng quỹ lương là 2%.

4.14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu: phản ánh số vốn thực tế đã góp bằng tiền, bằng tài sản khi thành lập.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: phản ánh kết quả kinh doanh (lợi nhuận, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận của doanh nghiệp.

4.15. Doanh thu:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận tại thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ cho người mua.

Tiền lãi, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.17. Nguyên tắc ghi nhận Chi phí hoạt động tài chính:

Là tổng chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ.

4.18. Thuế:

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế GTGT phải nộp theo quy định của luật thuế GTGT

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hàng năm là 28%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) trong năm là chi phí thuế TNDN hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so

với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chi phí không hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế.

Các loại thuế khác: Theo quy định hiện hành luật thuế Việt Nam.

V) BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN:

1)- Kiểm toán độc lập:

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn Tài Chính Kế Toán (AFC) - Chi nhánh Cần Thơ

Địa chỉ: 237A Đường 30 tháng 04, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

Điện thoại: 0710. 3827888

Fax: 0710.3823209

- Ý kiến kiểm toán độc lập

Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn Tài Chính Kế Toán (AFC) – Chi Nhánh Cần Thơ sau khi tiến hành kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 được thực hiện theo các quy định của chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam có ý kiến như sau:

“Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Ngài ra, chúng tôi muốn lưu ý người đọc vấn đề sau:

Trong năm 2008, công ty đã thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi với tỷ lệ 100% trên dư nợ khó đòi.”

Công ty Kiểm Toán và Tư Vấn Tài Chính Kế Toán (AFC) - Chi nhánh Cần Thơ

2)- Kiểm toán nội bộ: không có

VI) CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN:

Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do Công ty nắm giữ (tính đến ngày 31/12/2008).

**** Công ty TNHH một thành viên Bách Việt***

+ Địa chỉ: Số 102 Phan Đình Phùng – Phường 2 – TP. Cà Mau- Tỉnh Cà Mau

+ Điện thoại: (0780) 2241101 Fax: (0780) 3831800

+ Email: ctybachviet@gmail.com

+ Ngành nghề kinh doanh: Hàng bách hóa, công nghệ thực phẩm.

+ Tóm tắt tình hình tài chính năm 2008:

- Vốn điều lệ: 3.000.000.000 đồng

Trong đó: 100% vốn của Công ty mẹ.

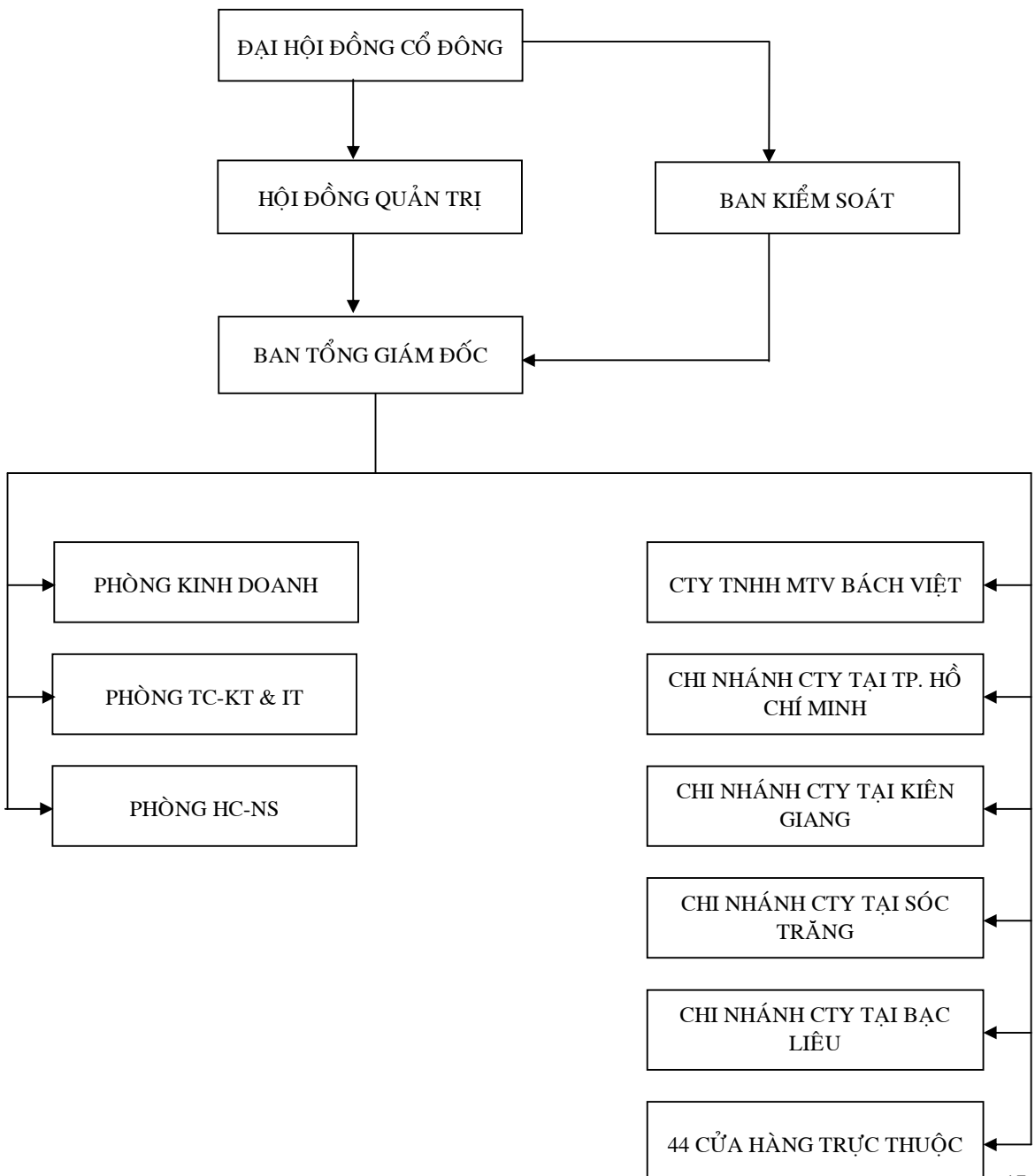
- Tổng doanh thu : 45.787.507.473 đồng
- Tổng giá vốn : 42.932.318.115 đồng
- Tổng chi phí : 1.953.090.790 đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 902.098.568 đồng

VII) TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ:

- Công ty được tổ chức hoạt động dưới mô hình Công ty cổ phần theo quy định của Luật doanh nghiệp.

- Công ty có Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và 03 phòng ban, 01 đơn vị thành viên, 04 Chi nhánh và 44 Cửa hàng trực thuộc.

*** Sơ đồ cơ cấu tổ chức:**



2)- Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

2.1. Số lượng cán bộ, nhân viên trong Công ty:

Tính đến 31/12/2008 tổng số lao động của Công ty là 464 người

2.2. Chính sách đối với người lao động:

- Chính sách đào tạo:

Công ty quan tâm việc đào tạo nguồn nhân lực phục vụ mục tiêu định hướng phát triển của Công ty trước mắt và các năm tiếp theo từ đó đã tạo điều kiện cho người lao động tham gia các khóa tập huấn, học tập nâng cao nghiệp vụ chuyên môn như: Nghiệp vụ kinh doanh xăng dầu, gas; kỹ năng giao tiếp phục vụ, khách hàng và các lớp nghiệp vụ về công tác quản lý, kinh doanh tài chính nhân sự lao động...

- Chính sách tiền lương:

Sau khi đi vào hoạt động Công ty đã xây lại quy chế trả lương, phân phối tiền thưởng phù hợp với điều kiện, đặc thù hoạt động kinh doanh của Công ty trên cơ sở chế độ chính sách của Nhà nước quy định và theo nguyên tắc làm công việc gì, chức vụ gì, hưởng lương theo công việc chức vụ đó, gắn với năng suất lao động, chất lượng và hiệu quả công việc đảm nhận của từng người.

- Các chế độ chính sách khác đối với người lao động:

Công ty thực hiện đầy đủ chính sách chế độ quy định của Nhà nước đối với người lao động như: Hợp đồng lao động, BHXH, BHYT, nghỉ phép, chế độ thai sản, ốm đau, bảo hộ lao động, bồi dưỡng độc hại... Đầu năm 2009 đã tổ chức 04 chuyến cho 320 người lao động đi tham quan du lịch tại Nha Trang - Vinpearland.

VIII) THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRI CÔNG TY:

1)- Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát:

1.1. Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị Công ty gồm 05 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu nhiệm kỳ 05 năm (2008-2012).

- Tháng 3/2008 ông Nguyễn Quang Trinh xin thôi nhiệm vụ thành viên HĐQT vì lý do cá nhân.

- Các thành viên HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ của mình với tinh thần trách nhiệm rất cao, đưa ra các quyết định đúng đắn vì lợi ích cao nhất của Công ty.

- Năm 2008 HĐQT đã tổ chức 13 cuộc họp (trong đó 03 cuộc họp thường kỳ và 10 cuộc họp bất thường) và đã thống nhất ban hành 13 Nghị quyết của Hội đồng quản trị với nội dung quyết định các mục tiêu, chiến lược thực hiện phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Thành phần HĐQT:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
01	Bà Nguyễn Thị Việt Anh	Chủ tịch	28/11/2007	
02	Ông Nguyễn Minh Trực	Thành viên	28/11/2007	
03	Ông Lê Xuân Trình	Thành viên	28/11/2007	
04	Ông Thái Trường An	Thành viên	28/11/2007	
05	Ông Nguyễn Quang Trinh	Thành viên	28/11/2007	01/04/2008

- Tóm tắt lý lịch HĐQT:

a/- **Bà Nguyễn Thị Việt Anh:**

- Giới tính : Nữ
- Sinh ngày : Ngày 01 tháng 12 năm 1956
- Nơi sinh : Huyện Trần Văn Thời – Tỉnh Cà Mau
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xã Trần Hợi – Huyện Trần Văn Thời – Tỉnh Cà Mau
- Địa chỉ thường trú: Số 184 Ngô Quyền - Phường 9 – TP. Cà Mau
- Điện thoại : CQ (0780) 3822772 ĐD: 0913.893233
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học khoa Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Những chức vụ công tác chính
04/1975 -> 05/1975	Phó Bí thư Đoàn phường 9 – TP. Cà Mau
06/1975 -> 07/1978	Công tác tại UBND thị xã Cà Mau và sau đó làm tổ trưởng tổ Thống kê của Phòng Thống - Kế hoạch thị xã Cà Mau.
08/1978 -> 10/1982	Kế toán trưởng cửa hàng bách hoá Tổng hợp thị xã Cà Mau
11/1982 -> 11/2007	Thành lập Công ty Thương nghiệp Tổng hợp thị xã Cà Mau (nay là Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau) giữ các chức vụ: Kế toán trưởng, Phó phòng Kế toán, Trưởng phòng Kế hoạch, Phó Giám đốc, Giám đốc Công ty.
28/11/2007 đến nay	Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau được bầu làm Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Cty.

- Số cổ phần nắm giữ: 93.250 cổ phần
- Những người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

b/- Ông Nguyễn Minh Trực:

- Giới tính : Nam
- Sinh ngày : Ngày 07 tháng 01 năm 1954
- Nơi sinh : Tỉnh Tuyên Quang
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Số 63 Đào Duy Anh – Q. Phú Nhuận – TP. HCM
- Điện thoại : 0903.936750
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học
- Quá trình công tác: Giám đốc Công ty Petec
- Số cổ phần nắm giữ: 804.296 cổ phần
- Những người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

c/- Ông Lê Xuân Trình:

- Giới tính : Nam
- Sinh ngày : Ngày 16 tháng 01 năm 1961
- Nơi sinh : Tỉnh Hưng Yên
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Tỉnh Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú: 49 Nguyễn Thiện Thuật – P. Thắng Nhất – TP. Vũng Tàu
- Điện thoại : 0903.800173
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ, Kỹ sư kinh tế.
- Quá trình công tác: Phó GD Xí nghiệp, Công ty: PTSC, PVTSC, PVGas; Phó TGD Công ty.
- Số cổ phần nắm giữ: 1.050.000 cổ phần
- Những người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

d/- Ông Thái Trường An:

- Giới tính : Nam
- Sinh ngày : Ngày 12 tháng 10 năm 1970
- Nơi sinh : Huyện U Minh – Tỉnh Cà Mau
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Huyện U Minh – Tỉnh Cà Mau
- Địa chỉ thường trú: Số 91 Nguyễn Du – Phường 5 – TP. Cà Mau
- Điện thoại : CQ (0780) 3839499 ĐD: 0913.893491
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính kế toán TP. Hồ Chí Minh.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Những chức vụ công tác chính
09/1992 -> 10/1994	Kế toán Công ty Liên doanh Euro Gành Hào
11/1994 -> 03/1997	Kế toán Công ty Thương nghiệp Cà Mau
04/1997 -> 01/2007	Kế toán trưởng Công ty Thương nghiệp Cà Mau
02/2007 -> 11/2007	Phó Giám đốc Công ty Thương nghiệp Cà Mau
12/2007 đến nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau

- Số cổ phần nắm giữ: 11.500 cổ phần
- Những người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

1.2. Ban Tổng Giám đốc điều hành:

- Ban Tổng Giám đốc điều hành có 02 thành viên, đứng đầu là Tổng Giám đốc. Trong phạm vi quyền hạn, trách nhiệm Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện hoàn thành các quyết định của HĐQT, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các thành viên ban điều hành đã sử dụng và phát huy tốt các nguồn lực của Công ty trong năm qua.

- Thành viên Ban Tổng Giám đốc:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
01	Bà Nguyễn Thị Việt Anh	Tổng Giám đốc	28/12/2007	

02	Ông Thái Trường An	Phó TGD	28/12/2007	
03	Ông Nguyễn Quang Trinh	Phó TGD	28/12/2007	01/04/2008
04	Ông Phù Chí Anh	Kế toán trưởng	28/11/2007	

Ngày 01/04/2008 ông Nguyễn Quang Trinh đã chính thức thôi giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc vì lý do cá nhân.

- Tóm tắt lý lịch Ban Tổng Giám đốc:

a/- **Tổng Giám đốc - Bà Nguyễn Thị Việt Anh:** (Như điểm a phần 1.1)

b/- **Phó Tổng Giám đốc - Ông Thái Trường An:** (Như điểm d phần 1.1)

c/- **Kế toán trưởng - Ông Phù Chí Anh:**

- Giới tính : Nam

- Sinh ngày : Ngày 23 tháng 8 năm 1974

- Nơi sinh : TP. Đà Lạt – Tỉnh Lâm Đồng

- Quốc tịch : Việt Nam

- Dân tộc : Kinh

- Quê quán : Tỉnh Ninh Thuận

- Địa chỉ thường trú: Số 165/16 Rạch Chùa – Phường 4 – TP. Cà Mau

- Điện thoại : CQ (0780) 3839220 ĐD: 0913.699669

- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Đại học Quản trị kinh doanh.

- Quá trình công tác:

Thời gian	Những chức vụ công tác chính
02/1998 -> 12/2001	Kế toán Công ty Thương nghiệp Cà Mau
01/2002 -> 01/2007	Phó phòng Kinh tế-Kỹ thuật Công ty Thương nghiệp Cà Mau
02/2007 -> 11/2007	Kế toán trưởng kiêm Trưởng Phòng Tài chính-Kế toán tin học Công ty Thương nghiệp Cà Mau
12/2007 đến nay	Kế toán trưởng kiêm Trưởng Phòng Tài chính-Kế toán tin học Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau

- Số cổ phần nắm giữ: 1.000 cổ phần

- Những người có liên quan: Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

1.3. Ban Kiểm soát:

- Ban Kiểm soát có 03 thành viên, thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho cổ đông kiểm soát mọi hoạt động và điều hành của Công ty. Ban Kiểm soát họp thường kỳ mỗi quý để xem xét đánh giá kết quả hoạt động của Công ty.

- Các thành viên Ban Kiểm soát:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
01	Ông Trần Chí Hiếu	Trưởng ban	28/11/2007	
02	Ông Tô Hiếu Thuận	Thành viên	28/11/2007	
03	Ông Nguyễn Công Bằng	Thành viên	28/11/2007	

- Tóm tắt lý lịch Ban Kiểm soát

a/- Ông Trần Chí Hiếu:

- Giới tính : Nam
- Sinh ngày : Ngày 05 tháng 7 năm 1962
- Nơi sinh : Xã An Xuyên – TP. Cà Mau
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xã An Xuyên – TP. Cà Mau
- Địa chỉ thường trú: Số 219/19 Lý Thường Kiệt – Phường 6 – TP. Cà Mau
- Điện thoại : CQ (0780) 2241101 ĐD: 0913.893498
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học khoa Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác: Kế toán trưởng, Phó Giám đốc Công ty Thương nghiệp Cà Mau; Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Bách Việt.

- Số cổ phần nắm giữ: 2.600 cổ phần

- Những người có liên quan: Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

b/- Ông Tô Hiếu Thuận:

- Giới tính : Nam
- Sinh ngày : Ngày 13 tháng 8 năm 1971
- Nơi sinh : Thành phố Hồ Chí Minh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Tỉnh Thái Bình

- Địa chỉ thường trú: Số 343/40A Tô Hiến Thành – P.12 – Q.10 – TP. HCM
- Điện thoại : 0913.700777
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh.
- Quá trình công tác: Phó, Trưởng phòng Kinh doanh Cty IBS/HCM; Phó GD Cty IBS/HCM; Phó Giám đốc Cty Chứng khoán Công thương.
- Số cổ phần nắm giữ: 5.000 cổ phần
- Những người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

c/- Ông Nguyễn Công Bằng:

- Giới tính : Nam
- Sinh ngày : Ngày 18 tháng 10 năm 1981
- Nơi sinh : Tỉnh Cà Mau
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Tỉnh Cà Mau
- Địa chỉ thường trú: Khóm 6 – Phường 9 – TP. Cà Mau
- Điện thoại : 0918.601728
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính
- Quá trình công tác: Tổ phó tổ TC-KT Trường Trung học KT-KT Cà Mau; Giảng viên Trường Trung học KT-KT Cà Mau.
- Số cổ phần nắm giữ: 1.000 cổ phần
- Những người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

2)- Thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát của Công ty:

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 28/11/2007, năm 2008 Công ty đã chi thù lao cho HĐQT và Ban Kiểm soát là: 201.795.000 đồng

- Tổng thù lao chi cho HĐQT : 120.670.000 đồng
- Tổng thù lao chi cho Ban Kiểm soát : 81.125.000 đồng

3)- Các dữ liệu thống kê về cổ đông: (theo danh sách chốt ngày 31/12/2008)

3.1. Cổ đông trong nước:

a/- Cơ cấu cổ đông:

- | | | Tỷ lệ |
|----------------|--------------------|-------|
| - Vốn Nhà nước | : 28.000.000.000 đ | 40,0% |

- Nhà đầu tư chiến lược	:	23.442.940.000 đ	33,5%
- Công nhân viên	:	5.239.610.000 đ	7,5%
- Công đoàn cơ sở Cty	:	1.621.000.000 đ	2,3%
- Cổ đông bên ngoài	:	11.696.450.000 đ	16,7%

Stt	Danh mục	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ/ VDL (%)
1	Cổ đông Tổ chức	5,486,394	78.38
	- Cổ đông sở hữu trên 5%	5,144,294	73.49
	- Cổ đông sở hữu dưới 5%	342,100	4.89
2	Cổ đông cá nhân	1,513,606	21.62
	Tổng cộng	7.000.000	100,00

b/- Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn:

Stt	Tên cổ đông	ĐKKD	Địa chỉ	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ/ VDL (%)
1	Tổng Cty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước	0106000737	06 Phan Huy Chú, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội	2,800,000	40.00
2	Cty TNHH MTV CB&KD Sản Phẩm Dầu Mỏ	4104000537	201, Điện Biên Phủ, P25, Q. Bình Thạnh, TP. HCM	1,050,000	15.00
3	Cty Thương Mại Kỹ Thuật và Đầu Tư Petec	4106000302	194 Nam Kỳ khởi Nghĩa, Q3. TP.HCM	804,294	11.49
4	DNTN Thành Tấn	5201000894	Ấp Tấn Thuận, Hoà Bình, Chợ Mới, An Giang	490.000	7.00
	Tổng cộng			5,144,294	73.49

3.2. Cổ đông nước ngoài: không có

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CTY
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- UBCK Nhà nước;
- Lưu.